

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 96/2022/DS - ST

Ngày : 18/7/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng thẻ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Liên*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Lâm Văn Vô**

**2. Bà Trần Thị Tuyết**

***-Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa – Kiểm sát viên.***

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2021 về “ Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT

Trụ sở: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD –Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTT, sinh năm 1994(vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 292/2021/UQ-TTT ngày 29/3/2021)

Địa chỉ: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông TML, sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ: 19 HTLO, Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án ông PTT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/7/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT(gọi tắt là ngân hàng) và ông TML có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng(gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ Visa, số thẻ 472074-8654, lãi suất là 2.15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.329.300 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông L đã thanh toán cho ngân hàng tổng số

tiền là 32.645.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 3.565.890đ làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 21/3/2022 ông L còn nợ các khoản sau : nợ gốc là 3.565.890đ, nợ lãi quá hạn là 6.516.100 đồng, tổng cộng là 10.081.990 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 tổng cộng là 10.081.990 đồng. Ông L còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 22/3/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông TML đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông TML phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 18/7/2022 là 10.538.117 đồng, trong đó nợ gốc là 3.565.890 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.972.227 đồng.

Ngoài ra, ông L còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 cho đến khi ông L trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**\*Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, do bị đơn ông TML có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông TML đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

\*Về nội dung:

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/7/2011 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông TML, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng cho thẻ Visa là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.329.300 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 32.645.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 3.565.890 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày xét xử 18/7/2022 ông L còn nợ ngân hàng tổng cộng là 10.538.117 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông TML phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 10.538.117 đồng (trong đó nợ gốc là 3.565.890đ, nợ lãi quá hạn là 6.972.227 đồng). Ông L còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 19/7/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh ông L đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền ông L thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, ông L hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.565.890 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Căn cứ thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2.15%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (3,225%/tháng).

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L trả số nợ lãi quá hạn 6.972.227 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền ông L có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 10.538.117 đồng. Ông L còn nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông L đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng ông L vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông TML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 526.905 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **Quyết Định:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

- Buộc ông TML phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ của thẻ tín dụng là 10.538.117 đồng (mười triệu năm trăm ba mươi tám ngàn một trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 3.565.890đ (ba triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 6.972.227 đồng (sáu triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm hai mươi bảy đồng). Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/7/2011.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông TML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 526.905 đồng (năm trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018-0036349 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- VKSQ5
- Chi cục THADSQ5
- Dương sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Kim Liên**

